

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/DS-ST.

Ngày: 02/02/2024.

V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Ông Trần Công Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1085/2023/TLST-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Thúy A**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số 113/12/25, khu phố 6, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Đinh Công Tr**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 202/33, khu phố 5, phường Trung Dũng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Hợp đồng ủy quyền ngày 15/01/2024)

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Số 50/6, khu phố 6, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 1/6B, khu phố 6, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Lê Thị Thanh Th**, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Số 50/6, khu phố 6, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 1/6B, khu phố 6, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Anh Tr, bà Th, chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị **Lê Thị Thúy A** trình bày: Ngày 22/5/2023, bà Nguyễn Thị Th (mẹ ruột của chị) có đến nhà chị để trao đổi về vấn đề chị gái của chị tên là **Lê Thị Thanh T**, có cầm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA339919 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17/6/2015 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Do không có khả năng thanh toán nên bà Th đã nói chị trả và chuyển vào số tài khoản 68010001156566 của chị **Lê Thị Thanh Thủy** là chủ tài khoản. Chị T nợ Ngân hàng số tiền là 1.144.632.874đ và bà Thu sẽ chuyển nhượng nhà đất thửa đất số 99, tờ bản đồ số 56 tọa lạc tại phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đồng thời, sang tên chủ quyền nhà cho chị với điều kiện là chị phải cho bà Thu và gia đình chị gái chị ở lại trên nhà đất nói trên. Vì tình nghĩa mẹ con và chị em nên chị đã đồng ý. Chị đã chuyển cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền 350.000.000đ mà cụ thể: Vào ngày 31/5/2013 chị chuyển vào tài khoản của chị Lê Thị Thanh T số tiền 200.000.000đ; ngày 23/6/2013 chuyển vào tài khoản của chị Lê Thị Thanh T số tiền 150.000.000đ.

Ngày 19/7/2013 chị đã chuẩn bị đủ số tiền còn lại để tất toán cho Ngân hàng nhưng bà Thu lại đổi ý, không muốn sang tên nhà đất như đã thỏa thuận với chị. Khi chị hỏi về số tiền đã chuyển khoản trả nợ cho Ngân hàng thì bà Th không trả còn thách thức chị. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả cho chị số tiền 350.000.000đ mà chị đã chuyển vào tài khoản của chị Lê Thị Thanh T để trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam.

Theo bản tự khai và tại phiên hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà thừa nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thúy A là đúng. Bà đồng ý trả lại số tiền 350.000.000đ cho chị Thúy A. Tuy nhiên, hiện nay bà đã già yếu, không còn sức lao động, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Đồng thời, bà chưa bán được nhà nên chưa có điều kiện để trả tiền cho chị Thúy A. Bà cam kết nếu bán được nhà thì bà sẽ thanh toán cho chị Thúy A.

Theo bản tự khai và tại phiên hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thanh Th trình bày: Ngày 31/5/2013 vào lúc 16 giờ 22 phút chị có nhận được tin nhắn trong tài khoản có số tiền 200.000.000đ; ngày 23/6/2013 chị đã nhận được 150.000.000đ. Chị nghĩ là chị Thúy A giúp đỡ chị trong lúc khó khăn vì chị Thúy A là em ruột của chị nên chị đã nhắn tin lại cảm ơn. Thực tế chị không biết gì về sự thỏa thuận giữa bà Thu và chị Thúy A. Chị chỉ biết sự việc khi nhận được tin nhắn chuyển tiền của chị Thúy A vào tài khoản của chị mở tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam. Nay bà Thu hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn nên chị đề nghị Tòa án cho bà Thu được trả dần số tiền này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Thúy A khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả cho chị số tiền 350.000.000đ mà bà Thu đã mượn cho chị Lê Thị Thanh T trả nợ cho Ngân hàng. Qua các lần chuyển khoản ngày 31/5/2023 số tiền 200.000.000đ, ngày 23/6/2023 số tiền 150.000.000đ vào số tài khoản của chị Lê Thị Thanh T. Quá trình làm việc tại Tòa án bà Th đã thừa nhận có mượn số tiền 350.000.000đ của chị Thúy A để cho chị Thanh T trả nợ Ngân hàng. Đồng thời, bà Th cũng đồng ý trả số tiền này cho chị Thúy A nhưng đề nghị chị Thúy A cho bà Thu được trả sau khi bán được nhà. Chị Lê Thị Thanh T cũng thừa nhận vào ngày 31/5/2023 chị có nhận được số tiền 200.000.000đ, ngày 23/6/2023 số tiền 150.000.000đ của chị Thúy A chuyển vào tài khoản của chị nhưng chị cứ nghĩ là chị Thúy A giúp đỡ chị trong lúc khó khăn. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị

Thúy A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Th. Buộc bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả lại cho chị Lê Thị Thúy Anh số tiền 350.000.000đ. Bà Nguyễn Thị Th là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về và quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Chị Lê Thị Thúy A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Th phải trả cho chị số tiền 350.000.000đ nên căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp đòi tài sản”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Lê Thị Thúy A là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Th là bị đơn, chị Lê Thị Thanh Th là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Th hiện đang sinh sống tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về nội dung: Chị Lê Thị Thúy A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Th **phải trả cho chị Anh số tiền 350.000.000đ vì cho rằng** bà Th đã mượn số tiền này của chị với mục đích cho chị Lê Thị Thanh T trả nợ cho Ngân hàng. Qua các lần chuyển khoản ngày 31/5/2023 số tiền 200.000.000đ, ngày 23/6/2023 số tiền 150.000.000đ vào số tài khoản của chị Lê Thị Thanh Thủy là có căn cứ chấp nhận. Bởi trong quá trình giải quyết vụ án bà Thu cũng đã thừa nhận toàn bộ sự việc như yêu cầu khởi kiện của chị A. Đồng thời, bà Thu đề nghị chị A cho bà thời gian đến khi nào bán được nhà thì bà Thu sẽ trả số tiền 350.000.000đ. Chị Lê Thị Thanh T cũng có lời khai khẳng định chị đã nhận được số tiền 350.000.000đ do chị A chuyển vào số tài khoản của chị mà cụ thể ngày 31/5/2023 số tiền 200.000.000đ, ngày 23/6/2023 số tiền 150.000.000đ nhưng chị nghĩ là chị Anh giúp đỡ chị trong lúc khó khăn mà không biết được việc bà Thu đã mượn tiền của chị Anh cho chị trả nợ cho Ngân hàng vì thực tế chị đang vay Ngân hàng một khoản tiền. Như vậy, chị Anh khởi kiện và được bà Thu là bị đơn thừa nhận toàn bộ sự việc đúng như yêu cầu khởi kiện của chị A. Đồng thời, chị Th cũng có lời khai phù hợp với yêu cầu khởi kiện của chị A và lời khai của bà Th nên đây cũng là tình tiết của vụ án mà nguyên đơn không cần phải chứng minh. Đối với đề nghị của bà Thu cho bà thời gian đến khi nào bà bán được nhà thì bà sẽ trả tiền cho chị Anh. Tuy nhiên, chị A không đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên chị Anh được nhận lại số tiền 8.750.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009890 ngày 29/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

[5] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, 68, Điều 147; Điều 203, Điều 220, 228, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào Điều 274, 275, 276; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thúy A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Th về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả cho chị Lê Thị Thúy A số tiền 350.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị Thúy A số tiền 8.750.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009890 ngày 29/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP.B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Đào